

Số: /2023/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND
ngày 28/02/2023 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu học phí năm học
2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập
chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ Chức chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy
định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo
dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch
vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học
phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND
tỉnh về việc quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục
mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên
địa bàn tỉnh Long An;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
724/TTr-SGDĐT ngày 10/3/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Đơn vị tính: 1000 đồng/tháng/học sinh

Trường học, cơ sở giáo dục	Vùng thành thị (Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn (Các xã còn lại, trừ các xã đặc biệt khó khăn)
1. Nhà trẻ:	123	72
2. Mẫu giáo buổi:	72	38
3. Mẫu giáo bán trú:		
- Lớp mầm	154	93
- Lớp chồi	134	77
- Lớp lá	111	66
4. Mẫu giáo 2 buổi/ngày	94	49
5. Trung học cơ sở:	72	38
6. Trung học phổ thông:	72	38
7. Giáo dục thường xuyên:	72	38
- Hệ Trung học cơ sở	72	38
- Hệ Trung học phổ thông	72	38

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập tại các xã đặc biệt khó khăn: 34.000 đồng/tháng/học sinh.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quyết định này; xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về việc thu và sử dụng học phí theo thẩm quyền quản lý.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/3/2023 và thực hiện trong năm học 2022-2023; đồng thời bãi bỏ điểm 3.1 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An.

Quyết định này được triển khai trong toàn ngành giáo dục và đào tạo; phổ biến công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo ở các trường học để Nhân dân biết, thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- TT PVHCC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng VHXXH;
- Lưu: VT, lvt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út